

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 01
CBGD: BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)

Số SV có mặt:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
		<i>Chánh</i>	<i>Tân</i>
		<i>Tân</i>	<i>Minh</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121120562	DIỆC TUẤN	ANH	21/06/2003	CCQ2112Q						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121120552	ĐẶNG THỊ KIM	ANH	03/10/2003	CCQ2112P		<i>Ky</i>			8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2119120211	TRẦN THỊ NGỌC	BÍCH	10/06/1999	CCQ1912G						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121120536	LÊ THANH	BÌNH	02/01/2003	CCQ2112P		<i>Bình</i>			8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2121120625	PHẠM THỊ NGỌC	CHÂU	30/07/2003	CCQ2112R		<i>Chau</i>			8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122120471	HUỲNH THỊ HỒNG	DIỆU	04/01/2004	CCQ2212N		<i>Diệu</i>			8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2119120320	LÊ THỊ	DUNG	07/05/2001	CCQ1912J						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121120484	HOÀNG ANH	DŨNG	28/02/2003	CCQ2112N		<i>Dung</i>			9,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2119120076	NGUYỄN LÊ HOÀNG	DUY	28/03/2001	CCQ1912C						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121120605	ĐỖ THỊ MỸ	DUYÊN	02/01/2003	CCQ2112R		<i>mech</i>			6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121120396	NGUYỄN THỊ HỒNG	DUYÊN	23/04/2003	CCQ2112L						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2121120194	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	01/07/2003	CCQ2112F		<i>My</i>			7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121120615	NGUYỄN PHƯỚC	ĐAI	21/08/2003	CCQ2112R		<i>Đai</i>			8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121120577	TRƯƠNG THỊ	ĐIỀU	19/02/2002	CCQ2112Q		<i>Daue</i>			8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121120180	TRẦN ĐÌNH	ĐOÁN	06/01/2003	CCQ2112F		<i>Doan</i>			8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121120205	ĐỖ VŨ HOÀNG	GIANG	10/04/2003	CCQ2112F		<i>Hoangung</i>			8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121120168	LÊ VŨ TUYẾN	GIANG	17/07/2003	CCQ2112E		<i>Tuyen</i>			8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121120289	TRẦN THỊ NGỌC	GIÀU	26/06/2003	CCQ2112I						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121120285	NGUYỄN THỊ CẨM	HÀ	06/06/2003	CCQ2112I		<i>Ha</i>			8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121120195	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	18/02/2003	CCQ2112F		<i>Thut</i>			7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 01**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
		<i>Nguyễn Thị Ngọc</i>	<i>Nguyễn Thị Ngọc</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121120565	NHỮ THỊ HẰNG	22/08/2003	CCQ2112Q			<i>Hàng</i>			7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2121120147	TRẦN THỊ NGỌC	10/04/2002	CCQ2112E			<i>Hàng</i>			7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121120383	NGUYỄN THỊ NGỌC	26/10/2003	CCQ2112K							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121120550	ĐIỀU THỊ HIỀN	14/04/2002	CCQ2112P			<i>Hiền</i>			8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121120546	ĐÌNH MINH HIỀN	12/09/2003	CCQ2112P			<i>Hiền</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2121120473	NGUYỄN THỊ NGỌC	16/11/2003	CCQ2112N			<i>Hiền</i>			8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2121120635	NGUYỄN THỊ THANH	19/09/2002	CCQ2112R			<i>Hiền</i>			8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2121120184	NGUYỄN THỊ THU	18/02/2003	CCQ2112F			<i>Hiền</i>			8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2121120172	LÊ TRỌNG HIẾU	17/05/2003	CCQ2112E			<i>Hiền</i>			7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2121120089	NGUYỄN MINH HIẾU	26/08/2003	CCQ2112C			<i>Hiền</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2121120409	NGUYỄN THỊ HIẾU	07/02/2003	CCQ2112L			<i>Hiền</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2121120570	TRẦN ĐỖ HUY	30/11/2002	CCQ2112Q			<i>Hiền</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2121120379	NGÔ THỊ THU HỒNG	20/11/2003	CCQ2112K			<i>Hiền</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2121120183	TRƯƠNG VĂN HUÂN	12/08/2002	CCQ2112F			<i>Hiền</i>			7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2121120596	NGUYỄN THỊ KIM HUỆ	05/05/2003	CCQ2112P			<i>Hiền</i>			7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2121120179	VÕ VƯƠNG HUY	10/01/2003	CCQ2112F			<i>Hiền</i>			9.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2122120452	NÔNG THỊ NGỌC HUYỀN	23/05/2004	CCQ2212M			<i>Hiền</i>			8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2121120459	THÀNH VIỆT HƯNG	03/06/2003	CCQ2112N			<i>Hiền</i>			5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	2121120030	HỒ QUỐC KHẢI	20/10/2003	CCQ2112A			<i>Hiền</i>			8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2121120535	NGUYỄN NHỰT KHANG	28/10/2003	CCQ2112P			<i>Hiền</i>			7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 01**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
61	2121120159	HOÀNG NỮ THÚY	NGA	09/11/2003	CCQ2112E		<i>Ngan</i>			9.0		
62	2121120624	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	23/01/2003	CCQ2112R		<i>Ngan</i>			9.0		
63	2121120015	ĐẶNG THỊ KIM	NGÂN	25/05/2003	CCQ2112A		<i>Ngân</i>			8.5		
64	2121120044	NGUYỄN LÊ THÚY	NGÂN	25/10/2003	CCQ2112B		<i>Ngân</i>			9.0		
65	2121120340	NGUYỄN THỊ MỸ	NGÂN	04/02/2003	CCQ2112J		<i>Ngân</i>			8.0		
66	2121120598	NGUYỄN THÚY	NGÂN	26/10/2003	CCQ2112R		<i>Ngân</i>			9.5		
67	2121120011	PHẠM THỊ THẢO	NGÂN	30/01/2003	CCQ2112A		<i>Ngân</i>			8.5		
68	2121120547	PHAN NỮ THANH	NGÂN	04/01/2003	CCQ2112P		<i>Ngân</i>			9.5		
69	2121120140	ĐỖ LAN BẢO	NGỌC	16/09/2003	CCQ2112D		<i>Ngân</i>			9.0		
70	2121120589	NGUYỄN HỒNG	NGOC	01/03/2003	CCQ2112Q							
71	2121120242	TRẦN THỊ MỸ	NGUYỄN	02/02/2003	CCQ2112G		<i>Ngân</i>			8.0		
72	2121120511	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	12/12/2003	CCQ2112O		<i>Ngân</i>			8.5		
73	2121120025	VĂN THỊ THU	NGUYỆT	10/12/2003	CCQ2112A							
74	2121120191	HUỖNH THỊ	NHÂN	03/01/2003	CCQ2112F		<i>Ngân</i>			9.0		
75	2121120192	PHẠM THỊ THANH	NHÂN	10/12/2003	CCQ2112F		<i>Ngân</i>			9.5		
76	2121120139	PHÙNG THỊ THANH	NHÂN	30/10/2003	CCQ2112D		<i>Ngân</i>			9.0		
77	2121120543	NGUYỄN Ý	NHI	06/02/2003	CCQ2112P		<i>Ngân</i>			9.0		
78	2121120048	VÕ THỊ MỸ	NHI	11/11/2003	CCQ2112B		<i>Ngân</i>			9.5		
79	2121120490	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	27/10/2003	CCQ2112N							
80	2122120454	LƯƠNG THỊ KIM	OANH	26/11/2004	CCQ2212M		<i>Thanh</i>			9.0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 01**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
81	2121120074	NGUYỄN THỊ KIỀU	07/11/2003	CCQ2112C								
82	2121120090	NGUYỄN THỊ KIM	26/12/2002	CCQ2112C								
83	2121120418	VÕ THỊ BÍCH	03/01/2003	CCQ2112L			Phân			9.5		
84	2121120310	NGUYỄN THỊ YẾN	17/05/2003	CCQ2112I			Yến			7.5		
85	2121120160	ĐỖ THỊ THU	22/03/2003	CCQ2112E			Thu			9.0		
86	2121120142	NGUYỄN PHAN HỒNG	12/09/2003	CCQ2112E			Phuong			9.5		
87	2121120083	NGUYỄN MẠNH	24/12/2003	CCQ2112C			Quang			8.5		
88	2121050046	NGUYỄN MINH	04/06/2001	CCQ2112R			Quoc			6.5		
89	2121120301	NGUYỄN THỊ TÚ	29/10/2003	CCQ2112I			Tu			8.5		
90	2121120294	NGUYỄN THỊ NHƯ	28/07/2003	CCQ2112I			Nguyen					
91	2121120561	PHẠM THỊ NHƯ	10/01/2003	CCQ2112Q			Nhu			8.5		
92	2121120189	NGUYỄN THANH	14/04/2003	CCQ2112F			Son			9.0		
93	2121120470	NGUYỄN TRỌNG	07/09/2003	CCQ2112N			Trung					
94	2121120553	TRẦN TUẤN	24/04/2003	CCQ2112P			Son			8.0		
95	2121120377	NGUYỄN THANH	12/10/2003	CCQ2112K								
96	2121120152	TRẦN VĂN	17/09/2003	CCQ2112E								
97	2121120489	TRƯƠNG THỊ MỸ	13/12/2003	CCQ2112N			My			7.5		
98	2121120165	HUYỀN QUỐC	14/06/2003	CCQ2112E						9.5		
99	2122120412	PHAN ĐÌNH	02/09/2004	CCQ2212M			Thanh			8.0		
100	2121120580	BÙI LÊ BÍCH	14/11/2003	CCQ2112Q			Thu			9.0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 01**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
101	2121120519	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	28/03/2003	CCQ2112O					9.5		
102	2121120453	NGUYỄN TRẦN	THẮNG	20/01/2003	CCQ2112M					9.0		
103	2121120386	BÙI ĐỨC	THẮNG	23/07/2002	CCQ2112L							
104	2121120198	ĐẶNG THỊ KIM	THOÀ	02/03/2003	CCQ2112F					8.5		
105	2121120039	VÕ THỊ NGỌC	THU	11/12/2003	CCQ2112B					8.0		
106	2121120169	LÊ THỊ THANH	THÚY	24/05/2003	CCQ2112E					8.5		
107	2121120057	NGUYỄN NGỌC ANH	THỨ	10/12/2003	CCQ2112B					8.5		
108	2121120174	NGUYỄN THỊ ANH	THỨ	23/10/2003	CCQ2112E					9.0		
109	2120190062	TRẦN NGỌC ANH	THỨ	02/12/2002	CCQ2012R							
110	2121120583	NGUYỄN ĐÌNH THỊ HOÀI	THƯƠNG	30/11/2002	CCQ2112Q					8.0		
111	2121120497	LÊ THỊ KIM	TIỀN	26/10/2003	CCQ2112O					9.5		
112	2121120348	TRƯƠNG THỊ KIM	TIỀN	23/01/2003	CCQ2112J							
113	2121120027	NGUYỄN THỊ BÉ	TRANG	25/12/2002	CCQ2112A					8.5		
114	2121120591	NGUYỄN THU	TRANG	17/12/2003	CCQ2112Q					9.0		
115	2121120647	TRẦN VĂN	TRÁNG	11/09/2001	CCQ2112I					8.5		
116	2122120515	HỒ THỊ MỸ	TRÂM	28/12/2004	CCQ2212N					8.0		
117	2121120500	NGUYỄN THỊ HUỆ	TRẦN	21/05/2003	CCQ2112O					9.5		
118	2121120617	NGUYỄN ÁI MINH	TRIỆU	21/03/2003	CCQ2112R					9.0		
119	2121120458	PHẠM THỊ LAN	TRINH	20/04/2003	CCQ2112N					8.0		
120	2121120014	NGUYỄN THỊ MỸ	TRÚC	06/05/2003	CCQ2112A					9.0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 01

CBGD: BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
		<i>Nguyễn Văn Chiến</i>	<i>Trần Hữu Nghĩa</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
121	2121120065	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	29/06/2003	CCQ2112B		<i>Tên</i>			9,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
122	2121120151	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	21/08/2002	CCQ2112E		<i>Tên</i>			9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
123	2121120430	NGUYỄN ĐANG	TRƯỜNG	20/06/2003	CCQ2112M		<i>Trương</i>			8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
124	2121120303	NGUYỄN HOÀNG ANH	TUẤN	27/01/2003	CCQ2112I		<i>Tuấn</i>			9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
125	2121120609	HOÀNG THANH	TÙNG	12/03/2003	CCQ2112R						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
126	2121120496	TẠ THỊ THANH	TUYỀN	30/12/2003	CCQ2112O		<i>Tên</i>			9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
127	2121120344	VÕ THỊ KIM	TUYẾN	14/05/2003	CCQ2112J		<i>Tên</i>			8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
128	2121120499	LÊ BẢNG TY	TY	07/10/2003	CCQ2112O		<i>Tên</i>			9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
129	2121120283	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	UYÊN	17/07/2003	CCQ2112I		<i>Phương</i>			8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
130	2121120206	VÕ KHÁNH	VĂN	12/04/2003	CCQ2112F		<i>Văn</i>			8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
131	2121120642	ĐẬU THỊ THANH	VÂN	02/03/2003	CCQ2112F		<i>Vân</i>			9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
132	2121120435	TRẦN THỊ THÚY	VI	20/01/2003	CCQ2112I						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
133	2121120471	BÙI THỊ NGỌC	VY	19/04/2003	CCQ2112N		<i>Vy</i>			9,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
134	2121120292	LÊ HIỀN	VY	08/07/2003	CCQ2112I		<i>Hiền</i>			9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
135	2121120306	LÊ THỊ THANH	VY	21/11/2003	CCQ2112I		<i>Vy</i>			9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
136	2121120345	NGUYỄN HOA NHẬT	VY	14/01/2003	CCQ2112J		<i>Vy</i>			9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
137	2121120627	NGUYỄN THỊ YẾN	VY	02/04/2003	CCQ2112R						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
138	2121120556	ĐẶNG THỊ NHƯ	Ý	03/12/2003	CCQ2112P		<i>Như</i>			8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
		<i>Trần Văn Cường</i>	<i>Trần Hữu Nghĩa</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121120482	NGUYỄN THỊ KIỀU ANH	25/08/2003	CCQ2112N			Anh			9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121120477	NGUYỄN THỊ LAN ANH	01/07/2003	CCQ2112N			anh			9,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121120077	PHAN NGỌC KIỀU ANH	23/04/2001	CCQ2112C			kiều			9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121120545	VƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	27/01/2003	CCQ2112P			anh			8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121120369	TRẦN ĐĂNG BẢO	08/12/2002	CCQ2112K						9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121120261	HOÀNG THỊ BẮC	14/12/2002	CCQ2112H			mai			9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121120372	LỘC GIA TIỂU BÌNH	23/12/2002	CCQ2112K			tiểu			8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121120129	VÕ VĂN BÌNH	19/04/2003	CCQ2112D						9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121120272	LÊ UYÊN CHI	30/07/2003	CCQ2112H			chi			9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121120432	HỒ SỸ CHUNG	15/11/2002	CCQ2112M							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121120509	VŨ ĐÌNH CHƯƠng	25/10/2003	CCQ2112O			chung			9,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121120455	NGUYỄN NGOC DIỄM	23/03/2003	CCQ2112M			diễm			9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121120284	NGUYỄN THỊ THANH DIỆP	28/07/2003	CCQ2112I			thanh			9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121120095	NGUYỄN THỊ MỸ DUYỀN	03/10/2003	CCQ2112C			hi			9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120120578	NGUYỄN THỊ THÚY DUYỀN	01/01/2002	CCQ2012P			duyên			9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121120305	TRẦN KHÁNH DUYỀN	29/09/2003	CCQ2112I			khánh			9,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121120290	NGUYỄN THÚY DƯƠNG	26/07/2003	CCQ2112I			duyên			9,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121120385	LÊ THỊ DIỆP	23/02/2003	CCQ2112K			thị			9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121120123	NGUYỄN THỊ THÚY ĐOAN	13/05/2003	CCQ2112D			thị			9,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121120404	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	24/11/2003	CCQ2112L							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
		<i>Mai Văn Chiến</i>	<i>Tân Hoàng Nghĩa</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121120280	NGUYỄN THỊ BÍCH	HÀ	08/09/2003	CCQ2112H		<i>Bích</i>			6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2121120211	NGUYỄN THỊ THU	HÀO	22/02/2003	CCQ2112G		<i>Thu</i>			9,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121120070	PHAN THỊ THANH	HÃNG	11/06/2003	CCQ2112B		<i>Hằng</i>			9,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121120327	LÊ GIA	HÂN	01/10/2003	CCQ2112J		<i>Hân</i>			8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121120441	LÊ THỊ KIM	HÂN	31/10/2003	CCQ2112M		<i>Hân</i>			9,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2121120502	NGUYỄN THỊ	HẬU	05/01/2003	CCQ2112O		<i>Hậu</i>			9,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2121120382	PHẠM TRUNG	HẬU	02/12/2003	CCQ2112K		<i>Trung</i>			8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2121120516	PHÚNG TẤN	HẬU	26/05/2003	CCQ2112O		<i>Phùng</i>			8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2121172007	PHAN CÔNG	HIỂN	26/01/2003	CCQ2112K		<i>Phan</i>			8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2121120487	LÊ THANH	HIỆP	25/12/2003	CCQ2112N		<i>Thanh</i>			8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2121120007	KIỀU THỊ	HÒA	31/03/2003	CCQ2112A		<i>Hiếu</i>			8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2121120128	VÕ NGOC	HÒA	12/01/2003	CCQ2112D		<i>Hiếu</i>			9,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2121120293	LÊ SỸ	HOÀNG	13/11/2002	CCQ2112I						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2121120118	DƯƠNG THỊ	HỒNG	30/10/2003	CCQ2112D		<i>Thị</i>			9,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2120120287	LÊ THỊ KIM	HỒNG	06/11/2002	CCQ2012I						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2121120493	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG	12/03/2003	CCQ2112O		<i>Hiếu</i>			9,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2121120467	NGUYỄN THÀNH	HỢP	23/01/2001	CCQ2112N						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2121120257	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	HUẾ	12/10/2003	CCQ2112H		<i>Huế</i>			8,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	2121120149	NGÔ KIM	HUỆ	12/12/2003	CCQ2112E						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2121120282	PHAN GIA	HUỆ	12/09/2003	CCQ2112I		<i>Huệ</i>			8,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**
CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2121120297	LÊ ĐỨC GIA	HUY	16/07/2003	CCQ2112I		Huy			90	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2121120222	DƯƠNG THỊ HUỆ	HUYỀN	28/02/2003	CCQ2112G		Huệ			80	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2121120504	HUYỀN THỊ THẢO	HUYỀN	07/03/2003	CCQ2112O		Huỳnh			80	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2121120590	LÊ THỊ MỸ	HUYỀN	09/07/2001	CCQ2112Q						Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	2121120061	MAI LÊ	HUYỀN	16/10/2003	CCQ2112B		Huỳnh			70	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	2121120126	VÕ NGUYỄN THU	HUYỀN	27/12/2003	CCQ2112D		Thu			90	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	2121120238	VÕ THỊ NGỌC	HUYỀN	18/04/2003	CCQ2112G		Ngọc			60	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	2121120229	ĐẶNG VĂN	HƯNG	28/01/2001	CCQ2112G		Hưng			70	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	2121120274	NGUYỄN THỊ MỸ	HƯƠNG	18/04/2001	CCQ2112H		Huỳnh			80	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	2121120554	NGUYỄN THỊ MỸ	HƯƠNG	04/08/2003	CCQ2112P		Mỹ			70	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	2121120134	NGUYỄN THỊ NGỌC	HƯƠNG	04/06/2003	CCQ2112D		Huỳnh			70	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	2118120562	NGUYỄN NGỌC	HƯƠNG	08/11/2000	CCQ1812G						Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	2121120246	NGUYỄN NGỌC	KHÁ	23/12/2002	CCQ2112H		Khá			7,5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	2121120312	TRẦN VĂN	KHÁI	09/03/2001	CCQ2112I						Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	2121120518	VŨ MẠNH	KHÁI	01/08/2003	CCQ2112O		Khái			70	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	2121120451	ĐẶNG LÊ NGUYỄN	KHANG	07/04/2003	CCQ2112M		Khánh			5,5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	2121120214	TRƯƠNG MINH	KHOA	15/08/2003	CCQ2112G						Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	2121120271	NGUYỄN NGỌC	KHÔI	04/06/2002	CCQ2112H		Khôi			70	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	2121120203	NGÔ TUẤN	KIỆT	13/06/2003	CCQ2112F						Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	2120120290	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	02/12/2002	CCQ2012I						Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02
CBGD: BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)

Số SV có mặt:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
61	2121120501	TRẦN ANH	04/04/2003	CCQ2112O			Kiệt			8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
62	2121120256	VÕ VĂN TUẤN	02/08/2002	CCQ2112H			Kiệt			8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
63	2121120524	NGUYỄN THỊ BACH	06/09/2003	CCQ2112O			Kim			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
64	2121120539	NGUYỄN PHƯƠNG	06/05/2003	CCQ2112P			Linh			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
65	2120120291	ĐẶNG THANH	20/12/2002	CCQ2012I							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
66	2121120202	LÊ THỊ TÚ	02/02/2003	CCQ2112F							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
67	2121120249	PHẠM THỊ MAI	09/03/2002	CCQ2112H			Liên			6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
68	2121120343	PHẠM THỊ BÍCH	07/09/2003	CCQ2112J			Liên			7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
69	2121120410	ĐẶNG HỮU	01/09/2003	CCQ2112L			Liên			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
70	2120120257	LÊ THỊ MỸ	08/10/2002	CCQ2012H							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
71	2121120218	NGUYỄN HOÀI	01/03/2003	CCQ2112G			Liên			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
72	2121120559	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	10/07/2003	CCQ2112P			Linh			6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
73	2121120525	NGUYỄN THỊ THU	16/08/2003	CCQ2112O			Liên			8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
74	2121120341	TẶNG LÊ	13/07/2002	CCQ2112J							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
75	2120030049	PHẠM VĂN	08/02/2002	CCQ2012R							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
76	2121120117	NGÔ VĂN	22/12/2003	CCQ2112D			Liên			8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
77	2121120510	NGUYỄN NGỌC THÀNH	11/07/2002	CCQ2112O			Liên			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
78	2121120582	NGUYỄN VĂN	27/07/2003	CCQ2112Q			Liên			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
79	2121120236	NGUYỄN THỊ	20/01/2003	CCQ2112G			Liên			7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
80	2121120135	HUỖNH THỊ BÍCH	16/08/2003	CCQ2112D			Liên			8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	3 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
81	2121120038	LÊ THỊ BACH	MAI	14/05/2003	CCQ2112B		Nga			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
82	2121120337	HOÀNG NHẬT	MINH	10/12/2000	CCQ2112J		Nga			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
83	2121120515	LƯƠNG NGỌC	MINH	27/07/2003	CCQ2112O		Nga			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
84	2121120447	VÒNG LÊ	MINH	11/12/2003	CCQ2112M		Nga			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
85	2121120076	NGÔ THỊ MỘNG	MƠ	26/01/2003	CCQ2112C		Nga			8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
86	2121120555	ĐẶNG THỊ THẢO	MY	02/08/2003	CCQ2112P		Nga			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
87	2121120610	BÙI THỊ THIÊN	NGA	11/03/2003	CCQ2112R		Nga			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
88	2121120220	TRƯƠNG THỊ THU	NGÀ	25/07/2003	CCQ2112G		Nga			8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
89	2121120296	ĐẶNG PHƯƠNG	NGÂN	07/03/2003	CCQ2112I		Nga			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
90	2121120006	ĐẶNG THỊ BÍCH	NGÂN	10/03/2003	CCQ2112A		Nga			6,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
91	2121120370	LÊ THỊ THANH	NGÂN	12/01/2003	CCQ2112K		Nga				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
92	2121120217	LÊ THỊ THẢO	NGÂN	09/10/2003	CCQ2112G		Nga			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
93	2120120620	LÝ THỊ KIM	NGÂN	08/01/2001	CCQ2012R						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
94	2121120407	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	08/07/2003	CCQ2112L		Nga			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
95	2121120081	TRẦN HIỀN	NGÂN	10/04/2003	CCQ2112C		Nga			9,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
96	2121120040	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	16/03/2003	CCQ2112B		Nga			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
97	2121120632	HỒ THỊ NGỌC	NGOAN	12/02/2002	CCQ2112R		Nga			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
98	2121120474	DANH THỊ TUYẾT	NGOC	05/05/2003	CCQ2112N		Nga			7,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
99	2121120133	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGOC	30/04/2003	CCQ2112D		Nga			7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
100	2121120069	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGOC	18/10/2003	CCQ2112B		Nga				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
101	2121120528	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGOC	20/04/2003	CCQ2112P		<i>Như</i>			8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
102	2121120227	NGÔ THỊ	NGUYỄN	10/03/2003	CCQ2112G		<i>Ngô</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
103	2121120449	PHẠM ĐÌNH	NGUYỄN	13/01/2003	CCQ2112M		<i>Phạm</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
104	2121120549	ĐẶNG THỊ TUYẾT	NHI	23/11/2003	CCQ2112P						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
105	2121120130	LẠI THỊ QUỲNH	NHI	07/09/2003	CCQ2112D		<i>Nhi</i>			7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
106	2121120491	NGUYỄN THỊ THẢO	NHI	01/05/2003	CCQ2112O		<i>Nhi</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
107	2121120378	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	19/10/2003	CCQ2112K		<i>Nhi</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
108	2121120311	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	23/06/2003	CCQ2112I		<i>Nhi</i>			7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
109	2121120505	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	12/10/2003	CCQ2112O						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
110	2121120611	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	12/11/2003	CCQ2112R		<i>Nhi</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
111	2121120522	PHẠM THỊ THUỶ	NHI	22/03/2003	CCQ2112O		<i>Nhi</i>			7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
112	2121120326	VÕ TRẦN TÚ	NHI	25/05/2003	CCQ2112J		<i>Tú</i>				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
113	2121120398	PHAN THỊ HỒNG	NHUNG	05/08/2003	CCQ2112L		<i>Hồng</i>			8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
114	2121120209	TÔ PHƯƠNG	NHUNG	24/06/2003	CCQ2112F		<i>Phương</i>			9.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10
115	2121120572	NGÔ THỊ HUỲNH	NHƯ	19/04/2003	CCQ2112Q		<i>Như</i>				☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
116	2121120003	NGUYỄN HÀ YẾN	NHƯ	04/03/2003	CCQ2112A		<i>Như</i>			7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
117	2121120392	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	09/12/2003	CCQ2112L						☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
118	2121120342	TRẦN ĐẶNG QUỲNH	NHƯ	02/12/2003	CCQ2112J		<i>Như</i>			6.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
119	2120120435	TRẦN THỊ QUỲNH	NHƯ	04/03/2002	CCQ2012M		<i>Như</i>			8.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
120	2121120557	TRƯƠNG THỊ NGỌC	NHƯ	12/09/2003	CCQ2112P		<i>Như</i>			7.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
121	2121120347	VƯƠNG THỊ TÚ	NHƯ	02/02/2002	CCQ2112J		<i>Như</i>			7.0		
122	2121120388	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	NỮ	05/02/2003	CCQ2112L		<i>Như</i>			7.0		
123	2121120507	HÀ VĂN	PHƯỚC	09/03/2003	CCQ2112O		<i>Phước</i>			8.0		
124	2120170232	LÊ THÀNH	PHƯỚC	12/10/2002	CCQ2012R							
125	2121120488	LÊ THỊ TRÚC	PHƯƠNG	22/10/2003	CCQ2112N		<i>Phước</i>					
126	2121120219	NGÔ PHẠM THANH	PHƯƠNG	06/09/2002	CCQ2112G		<i>Phước</i>			8.5		
127	2121120464	NGUYỄN THANH HÀ	PHƯƠNG	05/05/2003	CCQ2112N		<i>Phước</i>			7.5		
128	2119120467	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	29/03/2000	CCQ1912M							
129	2121120399	MẠNH VŨ	QUỐC	10/03/2003	CCQ2112L		<i>Phước</i>			8.0		
130	2121120245	HỨA NGỌC TÚ	QUYÊN	25/06/2003	CCQ2112G		<i>Phước</i>			5.0		
131	2121120630	TRẦN THỊ NHẬT	QUYÊN	16/09/2002	CCQ2112Q		<i>Phước</i>			7.5		
132	2121120503	TRƯƠNG THỊ MỸ	QUYÊN	11/07/2003	CCQ2112O		<i>Phước</i>			7.5		
133	2121120215	CHÂU KIM QUẾ	QUỲNH	10/04/1999	CCQ2112G		<i>Phước</i>			8.0		
134	2121120288	LÊ HƯƠNG	QUỲNH	16/06/2003	CCQ2112I		<i>Phước</i>			7.0		
135	2120100092	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	19/10/2002	CCQ2012Q							
136	2121120564	PHẠM THỊ NHƯ	QUỲNH	24/02/2003	CCQ2112Q		<i>Phước</i>			7.0		
137	2121120127	TRẦN THỊ THU	SANG	25/07/2003	CCQ2112D		<i>Phước</i>			8.0		
138	2121120530	PHAN THỊ NGỌC	SƯƠNG	20/12/2003	CCQ2112P		<i>Phước</i>			8.0		
139	2121120276	NGUYỄN THỊ	TÂM	14/08/2003	CCQ2112H		<i>Phước</i>			8.5		
140	2121120433	NGUYỄN THỊ	TÂM	24/07/2003	CCQ2112M		<i>Phước</i>			8.0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
141	2121120646	HOÀNG ANH	TÂN	30/06/2003	CCQ2112K						Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
142	2121120131	NGUYỄN THỊ TUYẾT	THẠCH	21/02/2003	CCQ2112D		Thạch			7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
143	2121120094	NGÔ HOÀI	THANH	20/12/2003	CCQ2112C		Ngô			8.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
144	2121120542	TRẦN THỊ TIẾN	THANH	14/11/2003	CCQ2112P		Trần			8.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
145	2121120097	LÊ XUÂN	THÀNH	23/12/2003	CCQ2112C		Thạch			7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
146	2121120527	TRẦN NHẬT	THÀNH	12/03/2003	CCQ2112P		Trần			6.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
147	2121120100	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	14/10/2003	CCQ2112C		Thảo			5.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
148	2121120335	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	22/08/2002	CCQ2112J		Thu			5.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
149	2121120186	PHÙNG THỊ THANH	THẢO	17/10/2003	CCQ2112F		Phong			7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
150	2121120362	LÊ THỊ	THẨM	10/06/2003	CCQ2112K		Le			7.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
151	2121120225	NGUYỄN THỊ	THẨM	03/01/2003	CCQ2112G		Nguyễn			7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
152	2121120593	LINH THỊ	THÊM	18/08/2003	CCQ2112M		Thien			7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
153	2120120510	ĐỖ THỊ NHƯ	THỊ	28/07/2001	CCQ2012O		Thi			7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
154	2121120538	TRẦN TIẾN	THỊNH	03/02/2003	CCQ2112P		Trinh			8.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
155	2121120084	NGUYỄN THỊ MỸ	THOA	16/06/2003	CCQ2112C		Thoa			8.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
156	2121120233	TRƯƠNG THỊ MỸ	THOA	15/09/2003	CCQ2112G		Thoa			8.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
157	2121120224	BÙI THỊ MỸ	THUẬN	20/02/2003	CCQ2112G		Bui			7.5	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
158	2120120413	LÊ VĂN	THUẬN	10/02/2001	CCQ2012L		Le Van			7.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
159	2121120112	NGUYỄN THỊ MỸ	THUẬN	29/07/2003	CCQ2112D		Thuan			8.0	Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
160	2119120471	ĐẶNG THANH	THỦY	12/05/2001	CCQ1912M						Y 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
161	2121120120	LÊ THỊ BÍCH	THÚY	10/08/2002	CCQ2112D		<i>Thuy</i>			8,0	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
162	2121120526	TRẦN THỊ	THÚY	02/04/2003	CCQ2112P		<i>Thuy</i>			8,0	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
163	2121120319	TRIỆU THỊ	THÚY	19/01/2003	CCQ2112J		<i>Thuy</i>			8,0	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
164	2121120531	HỒ MINH	THỨ	08/03/2003	CCQ2112P		<i>Thuy</i>			8,5	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
165	2121120381	NGUYỄN LÊ MINH	THỨ	21/08/2003	CCQ2112K		<i>Thuy</i>			8,5	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
166	2121120389	NGUYỄN NGỌC MINH	THỨ	12/06/2003	CCQ2112L		<i>Thuy</i>			8,5	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
167	2121120401	NGUYỄN THỊ MINH	THỨ	08/04/2003	CCQ2112L		<i>Thuy</i>			8,5	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
168	2121120295	PHAN THỊ NGỌC	THƯƠNG	30/09/2003	CCQ2112I		<i>Thuy</i>			7,5	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
169	2121120508	PHAN THỊ CẨM	TIỀN	20/11/2003	CCQ2112O		<i>Thuy</i>			8,0	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
170	2121120325	QUÁCH THỊ HẠNH	TIỀN	27/08/2003	CCQ2112J		<i>Thuy</i>			6,5	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
171	2121120544	LÂM ĐỨC	TIỀN	22/06/2003	CCQ2112P		<i>Thuy</i>			7,5	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
172	2120120722	TRƯƠNG DUY	TÍNH	09/07/2002	CCQ2012Q		<i>Thuy</i>				<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
173	2121120436	QUÁCH NGỌC	TOÀN	18/12/2003	CCQ2112M		<i>Thuy</i>			8,5	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
174	2121120514	HỒ THỊ XUÂN	TRÀ	11/02/2003	CCQ2112O		<i>Thuy</i>			7,0	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
175	2121120481	BÙI THỊ QUỲNH	TRANG	08/12/2003	CCQ2112N		<i>Thuy</i>			8,0	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
176	2121120338	NGÔ THỊ THÚY	TRANG	17/01/2003	CCQ2112J		<i>Thuy</i>			8,5	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
177	2121120237	NGUYỄN NGỌC UYÊN	TRANG	02/03/2003	CCQ2112G		<i>Thuy</i>				<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
178	2121120563	NGUYỄN THỊ MINH	TRANG	10/07/2003	CCQ2112Q		<i>Thuy</i>			7,5	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
179	2121120232	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	26/02/2003	CCQ2112G		<i>Thuy</i>			8,0	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>
180	2121120047	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	03/08/2003	CCQ2112B		<i>Thuy</i>			7,5	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7</i>

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**
CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
181	2121120629	HỒ HUỖN	TRÂN	04/06/2003	CCQ2112Q					8.0		
182	2121120250	LÊ NGỌC BẢO	TRÂN	26/03/2003	CCQ2112H					7.5		
183	2121120247	NGUYỄN NGỌC QUẾ	TRÂN	03/06/2003	CCQ2112H					9.0		
184	2121120551	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	15/01/2003	CCQ2112P					7.0		
185	2121120049	TRẦN THỊ TÚ	TRINH	03/06/2003	CCQ2112B					7.0		
186	2121120475	TRƯƠNG THỊ NGỌC	TRINH	22/12/2003	CCQ2112N					8.5		
187	2121120208	HUỖNH THỊ THANH	TRÚC	09/11/2003	CCQ2112F					7.5		
188	2121120558	VŨ THỊ	TRÚC	26/06/2003	CCQ2112P					7.5		
189	2121120088	TRẦN ĐẠI ANH	TRƯỜNG	25/04/2003	CCQ2112C					8.0		
190	2121120476	PHẠM PHAN NGỌC	TÚ	19/12/2003	CCQ2112N					8.0		
191	2121120330	HỒ QUỐC	TUẤN	30/03/2001	CCQ2112J							
192	2121120121	NGUYỄN THANH	TUẤN	25/07/2002	CCQ2112D					8.5		
193	2121120424	HUỖNH THỊ MINH	TUYẾN	03/02/2003	CCQ2112M					8.0		
194	2121120302	HUỖNH THỊ THANH	TUYẾN	20/11/2003	CCQ2112I					8.0		
195	2121120085	NGUYỄN THỊ	TUYẾN	08/09/2003	CCQ2112C					7.5		
196	2121120226	NGUYỄN THỊ THANH	TUYẾN	13/11/2003	CCQ2112G							
197	2120120545	TRẦN TRUNG	TUYẾN	04/12/2002	CCQ2012P					8.0		
198	2121120136	TRẦN THỊ KIM	TUYẾT	07/01/2002	CCQ2112D					6.5		
199	2121120422	PHÚ NỮ HOÀNG	TY	26/06/2001	CCQ2112M					8.0		
200	2121120254	NGUYỄN QUỐC	UY	23/12/2002	CCQ2112H							

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 02**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
201	2121120412	BÙI ĐẶNG THANH VÂN	11/07/2003	CCQ2112L						8.5		
202	2121120506	NGUYỄN THỊ MỸ VÂN	22/09/2003	CCQ2112O						7.5		
203	2121120124	NGUYỄN THÚY VI	29/06/2003	CCQ2112D						7.5		
204	2121120093	TRẦN THỊ CẨM VI	17/08/2003	CCQ2112C						8.5		
205	2121120307	ĐỖ LÊ HÙNG VĨ	15/04/2003	CCQ2112I						8.5		
206	2121120320	LÊ THẾ VINH	01/08/2003	CCQ2112J						6.5		
207	2121120278	NGUYỄN THÀNH VINH	24/10/2003	CCQ2112H						8.5		
208	2121120461	HỒ THỊ THÚY VY	15/04/2003	CCQ2112N						7.0		
209	2121120275	HUỲNH TRẦN LÊ VY	27/07/2003	CCQ2112H						8.0		
210	2121120092	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	27/10/2003	CCQ2112C						8.0		
211	2121120132	NGUYỄN NỮ TƯỜNG VY	09/11/2003	CCQ2112D						7.0		
212	2121120462	TRẦN THỊ THANH XINH	20/09/2003	CCQ2112N						8.0		
213	2121120425	ĐƯƠNG HUỲNH NHƯ Ý	20/02/2003	CCQ2112M						8.5		
214	2121120079	LÊ THỊ NGỌC Ý	31/10/2003	CCQ2112C						6.5		
215	2121120266	TRẦN THỊ NHƯ Ý	18/11/2003	CCQ2112H						8.0		
216	2121120631	VÕ NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	19/09/2003	CCQ2112R						7.0		
217	2121120438	ĐINH HOÀNG YẾN	27/12/2003	CCQ2112M						7.5		
218	2121120115	HỒ THỊ MỸ YẾN	07/11/2003	CCQ2112D						6.5		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị thương mại dịch vụ (226202) - Nhóm 03**

CBGD: **BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
------------------	------------------	-------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121122018	NGÔ NGUYỄN MAI ANH	29/08/2003	CCQ2112LA						9.0		
2	2121120460	PHAN THỊ MỸ HOA	19/02/2003	CCQ2112LA								
3	2121120384	PHẠM THỊ NGỌC HUYỀN	03/10/2001	CCQ2112LA						8.5		
4	2121122002	TIÊU ANH KHÔI	12/07/2003	CCQ2112LA						8.5		
5	2121122010	TRẦN THỊ QUÝ MÙI	16/03/2003	CCQ2112LA						9.0		
6	2121120322	CAO NGUYỄN THANH NGÂN	27/08/2001	CCQ2112LA								
7	2121120331	NGUYỄN PHÙNG NHƯ NGUYỄN	28/04/2001	CCQ2112LA								
8	2121122007	PHAN HOÀNG PHÚC	12/03/2003	CCQ2112LA						9.0		
9	2121122009	ĐÌNH DUY TẤN	03/10/2003	CCQ2112LA								
10	2121122003	TRẦN HỮU NHẬT TẤN	07/06/2001	CCQ2112LA						8.5		
11	2121120366	PHAN DUY THẮNG	27/09/2003	CCQ2112LA						8.5		
12	2121122008	LÝ HOÀNG THỊNH	09/12/1997	CCQ2112LA						9.5		
13	2121120336	NGUYỄN NGỌC HỒNG THÙY	16/06/2003	CCQ2112LA								
14	2121122012	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	24/06/2003	CCQ2112LA						8.5		
15	2121122001	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	27/07/2003	CCQ2112LA						9.0		
16	2121120360	DƯƠNG THỊ BÍCH TUYẾN	04/04/2003	CCQ2112LA						9.0		
17	2121122005	ĐÌNH THỊ KHÁNH VI	07/01/2003	CCQ2112LA						9.5		
18	2121122017	NGUYỄN PHAN THẢO VY	29/09/2003	CCQ2112LA								